

CÔNG TY TNHH LẠC VIỆT CHÂU Á
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LẠC VIỆT CHÂU Á

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LAC VIET CHAU A COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LAC VIET CHAU A CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110371039

3. Ngày thành lập: 30/05/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 18, Ngách 185/31, Phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0886013434

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Sơn bên ngoài và bên trong công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
10.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
11.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ đấu giá tài sản) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	4610
12.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) Bán buôn thuốc lá. Bán buôn nguyên vật liệu, sản phẩm nông lâm sản, rau củ quả các loại	4620
13.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
14.	Bán buôn thực phẩm	4632
15.	Bán buôn đồ uống	4633

16.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
17.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
18.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;	4649
19.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
20.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ thiết bị thu phát sóng)	4652
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);	4659
23.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn dầu nhờn, dầu mỡ bôi trơn, dầu hóa dẻo cao su, dầu thắng, các loại dầu sử dụng trong gia công kim loại, dầu cắt gọt, dầu giải nhiệt, dầu chống rỉ, dầu chống mòn, dầu truyền động, dầu hộp số, dầu thủy lực nước giải nhiệt, chế phẩm bảo vệ động cơ. Bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác. Bán buôn củi đun từ bột gỗ Bán buôn than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc, gỗ nhiên	4661
24.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, nhôm, đồng, inox.	4662
25.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn gỗ cây và gỗ chế biến	4663

26.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn giấy các loại và bột giấy, bao bì từ giấy và bìa; Bán buôn phế liệu (trừ phế liệu độc hại, phế thải nguy hại, phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường; không chứa phế liệu tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật) Bán buôn gỗ dăm Bán buôn mùn cưa và dăm bào, mùn cưa dăm bào, dạn rời, ép thanh, ép bánh và ép khối, dăm gỗ nhiên liệu, viên nén gỗ, củi gỗ các loại, vỏ hạt cà phê Bán buôn bột giấy, dăm gỗ và các sản phẩm khác từ gỗ. Bán buôn nguyên liệu trong ngành thuốc lá Buôn bán cành, nhánh, củi, gỗ phế phẩm Buôn bán vật tư – nguyên liệu ngành: bao bì giấy Bán buôn các sản phẩm ngành giấy; Bán buôn nguyên liệu sản xuất giấy, bao bì giấy.	4669
27.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
28.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
29.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
30.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
31.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
32.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
33.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
34.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
35.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
36.	Khai thác thủy sản biển	0311
37.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
38.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
39.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
40.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh Nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
42.	Đào tạo sơ cấp	8531
43.	Đào tạo trung cấp	8532
44.	Đào tạo cao đẳng	8533
45.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
46.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202

47.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
48.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
49.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Mua bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở, Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở. Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở. Kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà kho, bến bãi. Cho thuê lại văn phòng, nhà xưởng, nhà kho, bến bãi (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và thực hiện theo Điều 10 Luật Kinh Doanh Bất Động Sản 2014 hướng dẫn bởi Nghị định 02/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 hướng dẫn luật kinh doanh bất động sản)	6810
50.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và thực hiện theo Điều 10 Luật Kinh Doanh Bất Động Sản 2014 hướng dẫn bởi Nghị định 02/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 hướng dẫn luật kinh doanh bất động sản)	6820
51.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
52.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
53.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
54.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
55.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
56.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
57.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn công nghệ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7490
58.	Bán buôn tổng hợp	4690(Chính)
59.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
60.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
61.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
62.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
63.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật)	4724

64.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xăng, dầu, nhớt	4730
65.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
66.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
67.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
68.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
69.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
70.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
71.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
72.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
73.	Sản xuất đường	1072
74.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
75.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
76.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
77.	Sản xuất chè	1076
78.	Sản xuất cà phê	1077
79.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt; Sản xuất dấm; Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo;	1079
80.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
81.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	1200
82.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	1410
83.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
84.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
85.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
86.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
87.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
88.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
89.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702

90.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu Chi tiết: Gia công cắt xén giấy các loại, thu gom ép kiện giấy phế liệu các loại; Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa khác	1709
91.	In ấn Chi tiết: In ấn bao bì, nhãn mác	1811
92.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế Chi tiết: Sản xuất và pha chế các loại dầu nhờn, các loại phụ gia (sử dụng cho các loại dầu nhờn, hóa chất chuyên dụng và mỡ bôi trơn và trừ mua bán hóa chất có tính độc hại mạnh), dầu mỡ bôi trơn, dầu hóa dẻo cao su, dầu thắng, nước giải nhiệt, chế phẩm bảo vệ động cơ. Sản xuất các loại dầu gốc, các loại dầu sử dụng trong gia công kim loại, dầu cắt gọt, dầu giải nhiệt, dầu chống rỉ, dầu chống mòn, dầu truyền động, dầu hộp số, dầu thắng, dầu thủy lực, dầu biến thế, và các loại dầu dùng trong ngành chế biến cao su, các loại dầu gốc, dầu nhờn và các loại dầu thông dụng khác. Tái chế các loại hóa chất, dầu và các sản phẩm liên quan (không sản xuất, tái chế tại trụ sở) (không tồn trữ hóa chất)	1920
93.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
94.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
95.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
96.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
97.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các loại hóa chất (sử dụng cho các loại dầu nhờn, hóa chất chuyên dụng và mỡ bôi trơn và trừ mua bán hóa chất có tính độc hại mạnh). Sản xuất các loại hóa chất công nghiệp. Sản xuất các loại hóa chất chuyên dụng. (không tồn trữ hóa chất) (không hoạt động tại trụ sở).	2029
98.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
99.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
100.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
101.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công cơ khí (trừ xi mạ) (không gia công tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	2592
102.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
103.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
104.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
105.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710

106.	Sản xuất pin và ắc quy (Không hoạt động tại trụ sở)	2720
107.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: Sản xuất các thiết bị điện hỗn hợp khác không phải là máy phát, mô tơ hay máy truyền tải điện năng, pin, ắc quy, dây dẫn, thiết bị có dây dẫn, thiết bị chiếu sáng và thiết bị điện gia dụng. Cụ thể: Sản xuất sạc ắc quy ở trạng thái rắn; Sản xuất thiết bị đóng mở cửa bằng điện; Sản xuất chuông điện; Sản xuất dây phụ trợ được làm từ dây cách điện; Sản xuất máy làm sạch siêu âm (trừ thí nghiệm và nha khoa); Sản xuất máy đổi điện trạng thái rắn, máy đổi điện, pin nhiên liệu, cung cấp năng lượng điều chỉnh và không điều chỉnh, cung cấp năng lượng liên tục; Sản xuất máy cung cấp năng lượng liên tục (UPS); Sản xuất máy triệt sự trào; Sản xuất dây dụng cụ, dây phụ trợ và các bộ dây điện khác với dây và kết nối cách điện; Sản xuất điện cực cacbon và graphit, kết nối, các sản phẩm cacbon và graphit điện khác; Sản xuất máy thực hành gia tốc; Sản xuất tụ điện, điện trở, và các thiết bị tương tự, máy gia tốc; Sản xuất súng cầm tay hàn sắt; Sản xuất nam châm điện; Sản xuất còi báo động; Sản xuất bảng ghi tỉ số điện tử; Sản xuất các thiết bị tín hiệu như đèn giao thông và thiết bị dấu hiệu bộ hành; Sản xuất vật cách điện (trừ bằng thủy tinh và sứ), dây cáp kim loại cơ bản; Sản xuất các thiết bị và cấu kiện điện dùng trong các động cơ đốt trong; Sản xuất các thiết bị hàn điện, bao gồm máy hàn thép cầm tay. (trừ xi mạ) (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).	2790
108.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
109.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
110.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
111.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
112.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
113.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
114.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
115.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818

116.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
117.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
118.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
119.	Sản xuất máy luyện kim	2823
120.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
121.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
122.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
123.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lều lưu động hoặc tại chợ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật)	4781
124.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và thực hiện theo Khoản 2, Điều 67 theo Luật giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008)	4921
125.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và thực hiện theo Khoản 2, Điều 67 Luật giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008)	4922
126.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và thực hiện theo Khoản 2, Điều 67 theo Luật giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008)	4929
127.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và thực hiện theo Điều 67 theo Luật giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008)	4931
128.	Vận tải hành khách đường bộ khác (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và thực hiện theo Điều 67 theo Luật giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008)	4932
129.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và thực hiện theo Điều 67 theo Luật giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008)	4933
130.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
131.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
132.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
133.	Bốc xếp hàng hóa	5224

134.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ khai thuê hải quan, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	5229
135.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
136.	Cơ sở lưu trú khác	5590
137.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
138.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
139.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
140.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
141.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: hoạt động của các điểm truy cập Internet.	6190
142.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
143.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: Sản xuất sản phẩm từ gỗ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	3100
144.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
145.	Sửa chữa thiết bị điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3314
146.	Sản xuất điện Chi tiết: Thủy điện; Nhiệt điện than; Nhiệt điện khí; Điện hạt nhân; Điện gió; Điện mặt trời; Điện khác	3511
147.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
148.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
149.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
150.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
151.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
152.	Thu gom rác thải độc hại	3812
153.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
154.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
155.	Tái chế phế liệu	3830
156.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
157.	Xây dựng nhà để ở	4101
158.	Xây dựng nhà không để ở	4102
159.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
160.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
161.	Xây dựng công trình điện	4221
162.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
163.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

164.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
165.	Xây dựng công trình thủy	4291
166.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
167.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
168.	Phá dỡ	4311
169.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
170.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
171.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
172.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh.	4752
173.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh.	4759
174.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ giấy các loại, bột giấy, bao bì từ giấy và bìa. – Bán lẻ nguyên liệu trong ngành thuốc lá (trừ kinh doanh các lĩnh vực tem, súng, đạn, tiền kim khí, vàng miếng)	4773

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: MAI QUẾ PHƯƠNG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 10/05/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031178013455

Ngày cấp: 24/06/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 30 đường Trương Định, Phường Trương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 30 đường Trương Định, Phường Trương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: MAI QUẾ PHƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/05/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031178013455

Ngày cấp: 24/06/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 30 đường Trương Định, Phường Trương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 30 đường Trương Định, Phường Trương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội